TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 52/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05 - 11 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 72a/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Ngọc H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn C.

(Tại phiên tòa chị H, anh C có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc H trình bày:

Chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh C hay đánh đập chị và sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh C không từ bỏ nên vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay chị có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015, hiện cháu L đang sống chung với chị H; và Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017 hiện đang sống chung với anh C. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con vì cháu L hiện còn nhỏ, chị cũng có công việc, có thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000 đồng; chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng là 750.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có một xe ô tô hiệu YAMAHA mua năm 2014 do anh C quản lý, giá trị còn lại là 15.000.000 đồng và 15 con heo trị giá 28.000.000 đồng. Chị H yêu cầu được chia 21.500.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ ông Mai Văn H 170.560.000 đồng. Chị không đồng ý chia nợ với anh C vì chị không có sử dụng tiền bán heo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh C thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện nuôi con và mức thu nhập bình quân của anh khoảng 9.000.000 đồng/tháng từ chăn nuôi gia súc, gia cầm và hoa lợi từ vườn.

Về nợ chung: Anh yêu cầu chia đôi số nợ chung của vợ chồng đối với ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H trình bày:

Hiện tại anh C và chị H còn nợ ông số tiền thức ăn chăn nuôi heo là 170.560.000 đồng, ông yêu cầu chị H và anh C mỗi người trả một nửa, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 72a/2019/HNGĐ-ST ngày 04/9/2019 đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, ghi nhận chị H và anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Ngọc H được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015, hiện cháu L đang sống chung với chị H; và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017, hiện cháu H đang sống chung với anh C. Buộc anh Nguyễn Văn C giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017 để chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017 mỗi cháu 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho chị Lê Ngọc H 21.500.000 (hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Về nợ chung: Buộc chị Lê Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn H số tiền 85.280.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng. Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn H số tiền 85.280.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017, anh C không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hạnh phúc thì anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh C có hành vi bạo lực gia đình và sử dụng ma túy; vì vậy chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C. Chị H và anh C thống nhất với quyết định của cấp sơ thẩm về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung nên không có kháng cáo.

[2] Anh C kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy, hiện tại cháu L đang sống với chị H ổn định từ trước đến nay, cháu H đang sống với anh C. Cả chị H và anh C đều có thu nhập ổn định đủ để nuôi các con. Tuy nhiên, để tránh gây xáo trộn, thay đổi môi trường sống hiện tại của cháu L, cần thiết để cho cháu L tiếp tục ở cùng với chị H để đảm bảo điều hiện sinh hoạt, học tập. Đối với cháu H hiện tại cháu sống cùng anh C, nhưng cháu còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Việc giao con chung là cháu H cho chị H chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Anh C kháng cáo nhưng không cung cấp dược tài liệu, chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh cho yêu cầu của anh nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên cần được giữ nguyên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 72a/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H. Cụ thể:

1.1 Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, ghi nhận chị H và anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2 Về con chung: Chị Lê Ngọc H được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/10/2015, hiện cháu L đang sống chung với chị H; và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017, hiện cháu H đang sống chung với anh C. Buộc anh Nguyễn Văn C giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 06/12/2017 để chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Buộc anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng để chị Lê Ngọc H nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

1.3 Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho chị Lê Ngọc H 21.500.000 (hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.4 Về nợ chung: Buộc chị Lê Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn H số tiền 85.280.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng. Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn H số tiền 85.280.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003583 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp xong.

Buộc chị Lê Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.339.000 (năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Buộc anh Nguyễn văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.339.000 (năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Mai Văn H số tiền 4.264.000 (bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003751 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006430 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh C đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I TANDTC**;**
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Minh Đạt